

Số: 62/2025/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc quy định mức hỗ trợ chi trả an sinh xã hội
trên địa bàn thành phố Hà Nội

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 76/2024/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 76/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 50/2024/TT-BTC;

Xét Tờ trình số 415/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ chi trả an sinh xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội; Báo cáo thẩm tra số 98/BC-BVHXH ngày 23 tháng 11 năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND Thành phố; Báo cáo giải trình, tiếp thu số 470/BC-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ chi trả an sinh xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định về mức hỗ trợ chi trả an sinh xã hội cho các đối tượng hưởng an sinh xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, đơn vị thực hiện chi trả an sinh xã hội thuộc UBND thành phố Hà Nội.

2. Đối tượng an sinh xã hội đang được hưởng chế độ trợ cấp trên địa bàn thành phố Hà Nội, bao gồm:

a) Đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng chế độ, chính sách trợ giúp xã hội theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. 

b) Đối tượng an sinh xã hội đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo chính sách đặc thù của thành phố Hà Nội.

Điều 3. Chính sách hỗ trợ

1. Các loại phí hỗ trợ chi trả an sinh xã hội, gồm:

a) Phí chi hộ tại quầy phải trả NAPAS đối với đối tượng mở tài khoản ngân hàng khác hệ thống (Phí chuyển tiền cho người thụ hưởng chính sách);

b) Phí rút tiền mặt từ cây ATM đối với đối tượng mở tài khoản ngân hàng khác hệ thống;

c) Phí thường niên;

d) Phí phát hành thẻ ghi nợ nội địa (Phí làm thẻ ATM).

2. Hình thức hỗ trợ: Chi phí hỗ trợ chuyển trực tiếp vào tài khoản cá nhân của đối tượng theo kỳ chi trả trợ cấp. Riêng chi phí phát hành thẻ ghi nợ nội địa (Phí làm thẻ ATM) được hỗ trợ duy nhất 01 lần khi phát hành thẻ.

3. Mức phí hỗ trợ, gồm:

3.1. Đối với đối tượng bảo trợ xã hội, hỗ trợ 2 mức phí bao gồm:

a) Phí rút tiền mặt từ cây ATM đối với đối tượng mở tài khoản ngân hàng khác hệ thống: Mức hỗ trợ 39.600 đồng/người/năm.

b) Phí thường niên: Mức hỗ trợ 13.200 đồng/người/năm.

3.2. Đối với đối tượng an sinh xã hội đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo chính sách đặc thù của thành phố Hà Nội, hỗ trợ 4 mức phí bao gồm:

a) Phí chi hộ tại quầy phải trả NAPAS đối với đối tượng mở tài khoản ngân hàng khác hệ thống (Phí chuyển tiền cho người thụ hưởng chính sách): Mức hỗ trợ 26.400 đồng/người/năm.

b) Phí rút tiền mặt từ cây ATM đối với đối tượng mở tài khoản ngân hàng khác hệ thống: Mức hỗ trợ 39.600 đồng/người/năm.

c) Phí thường niên: Mức hỗ trợ 13.200 đồng/người/năm.

d) Phí phát hành thẻ ghi nợ nội địa (Phí làm thẻ ATM): Hỗ trợ mức 35.000 đồng/người.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ từ nguồn ngân sách Thành phố đảm bảo theo phân cấp.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố

a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết bảo đảm kịp thời, đúng đối tượng, công khai, minh bạch; rà soát nguồn và đảm bảo khả năng cân đối ngân sách các cấp để thực hiện chính sách; chỉ đạo làm tốt công tác tuyên truyền để các tầng lớp nhân dân, các cơ quan, tổ chức trên địa bàn hiểu và đồng thuận.

b) Tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện Nghị quyết và báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thành phố Hà Nội phối hợp tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 6. Điều khoản thi hành

Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng các văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI, Kỳ họp thứ 28 thông qua ngày 27 tháng 11 năm 2025.!

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy Ban công tác đại biểu của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Nội vụ, Y tế, Tài chính, Tư pháp;
- Cục KTVB&QLXLVPHC-Bộ tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội;
- Thường trực: HĐND, UBND, UBMTTQ Thành phố;
- Các Ban Đảng Thành ủy;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các Ban của HĐND Thành phố;
- Các VP: Thành ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND; UBND TP;
- Các Sở, ban, ngành Thành phố;
- TT HĐND, UBND các xã, phường của TP;
- Trang TTĐT của Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- Trung tâm truyền thông dữ liệu và công nghệ số TP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Phùng Thị Hồng Hà